TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 6 và ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: ấp B, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Đoàn H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Đoàn H tổ chức lễ cưới và chung sống vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chị T đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không được. Do tình cảm không còn chị T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. 01 cháu đã trưởng thành và 01 cháu tên Đoàn Phạm Gia P, sinh ngày 02/7/2012, cháu P hiện đang sống với anh H. Chị T để anh H tiếp tục nuôi cháu Đoàn Phạm Gia P, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Đoàn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Đoàn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đoàn H tự nguyện chung sống vào năm 2002**,** không có đăng ký kết hôn, nên không được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị T thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì mâu thuẫn phát sinh, do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chị T đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không được. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì với cuộc hôn nhân của anh, và qua lời khai của chị T thì anh chị đã không còn sống chung từ năm 2016, điều đó thể hiện anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu chấm dứt cuộc sống hôn của anh chị là có cơ sở. Tuy nhiên chị T và anh H không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị T và anh H có 02 người con chung. 01 người con đã trưởng thành và 01 người con dưới 18 tuổi tên Đoàn Phạm Gia P, sinh ngày 22/7/2012, theo chị T thì cháu hiện đang sống với anh H, chị T để cháu tiếp tục sống với anh H. Qua xác minh hiện tại cháu Gia P đang sống chung với anh H, anh H và cháu P thường không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của cháu Gia P. Do cháu P sống với anh H từ nhỏ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Gia P nên Hội đồng xét xử giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Anh H không đến Tòa

án thể hiện ý kiến của anh với yêu cầu của chị T và việc cấp đưỡng nuôi con nên chị Triệu chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đoàn H là vợ chồng

Về con chung: Giao cháu Đoàn Phạm Gia P, sinh ngày 22/7/2012 cho anh Đoàn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Chị Phạm Thị Mỹ T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ T phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã đóng theo biên lai số 0010141 ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị T đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.